**BỘ ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT MÔN ĐỊA LÍ NĂM 2022**

**BÁM SÁT CẤU TRÚC ĐỀ MINH HỌA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**ĐỀ 1**

**Câu 41:** Cho biểu đồ:



GDP CỦA CAM-PU-CHIA VÀ LÀO NĂM 2010 VÀ 2018

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2019, NXB Thống kê 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP năm 2018 với năm 2010 của
Cam-pu-chia và Lào?

 **A.** Lào tăng nhiều hơn Cam-pu-chia. **B.** Cam-pu-chia tăng gấp ba lần Lào.

 **C.** Lào tăng nhanh hơn Cam-pu-chia. **D.** Cam-pu-chia tăng nhanh hơn Lào.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp Cẩm Phả gồm những ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.** Khai thác than đá và cơ khí. **B.** Khai thác than và luyện kim màu.

**C.** Cơ khí và chế biến nông sản. **D.** Khai thác than đá và than nâu.

**Câu** **44:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

**A.** Long Xuyên. **B.** Rạch Giá. **C.** Cà Mau. **D.** Sóc Trăng.

**Câu 45:** Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

*(Đơn vị: USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2015** | **2018** |
| Bru-nây | 35268 | 44597 | 30968 | 32414 |
| Xin-ga-po | 46570 | 56029 | 53630 | 64041 |
| Cam-pu-chia | 786 | 1 028 | 1163 | 1509 |
| Việt Nam | 1 273 | 1 907 | 2109 | 2551 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh GDP bình quân đầu người của một số quốc gia, giai đoạn 2010 - 2018?

**A.** Xin-ga-po tăng nhanh hơn Việt Nam. **B.** Việt Nam tăng nhanh hơn Cam-pu-chia.

**C.** Xin-ga-po tăng ít hơn Cam-pu-chia. **D**. Bru-nây tăng nhiều hơn Xin-ga-po.

**Câu 46:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào sau đây có dân số trên 1.000.000 người?

**A.** Hải Phòng. **B.** Việt Trì. **C.** Tuy Hòa. **D.** Vĩnh Long.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây có độ cao lớn nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam?

**A.** Kon Ka Kinh. **B.** Ngọc Linh. **C.** Bà Đen. **D.** Lang Bian.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biếttrung tâm công nghiệp nào sau đây có số lượng ngành ít nhất?

**A.** Nha Trang. **B.** Biên Hòa. **C.** Hải Phòng. **D.** Hà Nội.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến vận tải đường biển nội địa nào sau đây dài nhất nước ta?

**A.** Hải Phòng - Đà Nẵng. **B.** Đà Nẵng - Quy Nhơn.

**C.** TP. Hồ Chí Minh - Hải Phòng. **D.** Vinh - Đà Nẵng.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh có năng suất lúa cao nhất cao nhất đồng bằng sông Hồng hiện nay là

**A.** Thái Bình. **B.** Hải Dương. **C.** Hưng Yên. **D.** Nam Định.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch Huế **không** có tài nguyên du lịch nào sau đây?

**A.** Thắng cảnh, du lịch biển. **B.** Di sản văn hóa thế giới.

**C.** Di sản thiên nhiên thế giới. **D.** Di tích lịch sử cách mạng.

**Câu 52:** Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

**A.** bảo tồn sự đa dạng sinh học. **B.** có giá trị du lịch sinh thái cao.

**C.** bảo tồn những di tích lịch sử. **D.** diện tích nuôi trồng thủy sản.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địalí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

**A.** Thanh Hóa.  **B.** Đà Nẵng. **C.** Lạng Sơn. **D.** Cà Mau.

**Câu** **54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cây ăn quả được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Bình Thuận. **B.** Đắk Nông. **C.** Ninh Thuận. **D.** Kon Tum.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Nha Trang **không** có ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

**A.** Thủy hải sản. **B.** Lương thực.

**C.** Rượu, bia, nước giải khát. **D.** Sản phẩm chăn nuôi.

**Câu 56:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết điểm cực Nam trên đất liền của nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Cà Mau. **B.** Sóc Trăng.  **C.** Kiên Giang. **D.** An Giang.

**Câu 57.** Ngành công nghiệp rượu, bia, nước ngọt thường phân bố ở

 **A.** các thành phố lớn. **B.** gần nguồn nguyên liệu.

 **C.** gần tuyến đường giao thông. **D.** nơi tập trung nhiều công nhân lành nghề.

**Câu 58:** Ngập úng ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long gây hậu quả nghiêm trọng cho vụ lúa nào sau đây?

**A.** Đông xuân. **B.** Mùa. **C.** Hè thu. **D.** Chiêm xuân.

**Câu 59.** Khu vực nào sau đây ở nước ta có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất?

 **A.** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận. **B.** Dọc Duyên hải miền Trung.

 **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình nhỏ nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào tháng nào sau đây?

**A.** 5. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 61.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnhnào sau đây?

 **A**. Quảng Bình. **B**. Nghệ An. **C**. Thanh Hóa. **D**. Hà Tĩnh.

**Câu 62:** Để hạn chế xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi cần thực hiện biện pháp kỹ thuật canh tác nào sau đây?

**A.** Ngăn chặn du canh, du cư. **B.** Áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.

**C.** Bảo vệ rừng và đất rừng. **D.** Làm ruộng bậc thang, đào hố vẩy cá.

**Câu 63:** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

**A.** hội nhập kinh tế toàn cầu. **B.** công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**C.** phát triển nền kinh tế thị trường. **D.** phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

**Câu 64:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao sản lượng đánh bắt thủy sản ở nước ta hiện nay là

 **A.** đẩy mạnh tìm kiếm ngư trường mới. **B.** mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản.

 **C.** trang bị kiến thức mới cho ngư dân. **D.** đầu tư phương tiện đánh bắt hiện đại.

**Câu 65:** Sản lượng lúa của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu là do

**A.** tăng diện tích lúa mùa. **B.** đa dạng hóa nông nghiệp.

**C.** đẩy mạnh công nghiệp chế biến. **D.** đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất.

**Câu 66:** Vấn đề cần chú ý trong thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí ở nước ta là

**A.** hạn chế tối đa xuất khẩu dầu thô. **B.** nâng cao hiệu quả sử dụng khí đốt.

**C.** tránh để xảy ra các sự cố môi trường. **D.** xây dựng các nhà máy lọc hóa dầu.

**Câu 67:** Nhân tố nào dưới đây quyết định tính phong phú về thành phần loài của giới thực vật nước ta?

**A.** Sự phong phú, đa dạng của các nhóm đất và sông ngòi.

**B.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng.

**C.** Địa hình đồi núi chiếm ưu thế, có sự phân hóa phức tạp.

**D.** Vị trí trên đường di cư và di lưu của nhiều loài thực vật.

**Câu 68:** Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh trong những năm gần đây do

**A.** kết quả của việc di dân tự do từ nông thôn ra thành thị.

**B.** tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở thành thị cao hơn nông thôn.

**C.** sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế và quy hoạch, mở rộng đô thị.

**D.** cơ sở hạ tầng đô thị phát triển cao so với khu vực và thế giới.

**Câu 69:** Việc tập trung quá đông lao động phổ thông ở khu vực thành thị nước ta sẽ

 **A.** giải quyết được nhu cầu về lao động ở các đô thị lớn.

 **B.** có điều kiện để phát triển các ngành công nghệ cao.

 **C.** có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ.

 **D.** gây khó khăn cho bố trí, sắp xếp, giải quyết việc làm.

**Câu 70.** Khó khăn chủ yếu của mạng lưới đường sông nước ta là

 **A.** các phương tiện vận tải ít được cải tiến.

 **B.** tổng năng lực bốc xếp của các cảng còn thấp.

 **C.** trang bị các cảng sông còn nghèo nàn.

 **D.** các luồng lạch bị sa bồi và thay đổi thất thường về độ sâu.

**Câu 71:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

**A.** sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

**B.** cung cấp nguyên liệu cho chế biến, tạo sản phẩm có giá trị.

**C.** tạo nhiều hàng hóa, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập.

**D.** đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinhtế.

**Câu 72:** Vai trò chủ yếu của rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** cung cấp nguồn lâm sản có nhiều giá trị kinh tế.

**B.** đảm bảo cân bằng sinh thái, phòng chống thiên tai.

**C.** giúp phát triển mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp.

**D.** tạo thêm diện tích, môi trường nuôi trồng thủy sản.

**Câu 73:** Cơ cấu cây công nghiệp lâu năm của Tây Nguyên đa dạng hơn Đông Nam Bộ chủ yếu là do

**A.** lao động có kinh nghiệm trồng cây công nghiệp.

**B.** có nguồn nước dồi dào từ các hệ thống sông và hồ.

**C.** khí hậu cận xích đạo phân hóa theo độ cao địa hình.

**D.** nhiều bề mặt cao nguyên xếp tầng khá bằng phẳng.

**Câu 74:** Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh nhất so với các vùng khác ở nước ta, nguyên nhân là do

**A.** địa hình hẹp theo chiều ngang, tác động của gió Đông Bắc.

**B.** áp thấp Bắc Bộ hút gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Nam.

**C.** hoàn lưu khí quyển, ảnh hưởng của địa hình và bề mặt đệm.

**D.** hướng nghiêng của địa hình, ảnh hưởng của gió địa phương.

**Câu 75.** Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2019

*(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2009** | **2015** | **2017** | **2019** |
| Thành thị | 25585 | 31132 | 33121 | 33703 |
| Nông thôn | 60440 | 60582 | 62293 | 63312 |

*(Nguồn: https://danso.org/viet-nam/)*

Theo bảng số liệu,để thể hiện so sánh dân số thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2005 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Tròn. **B.** Cột. **C.** Kết hợp. **D.** Đường.

**Câu 76:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu. **B.** hiện đại hóa ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.

**C.** mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá. **D.** tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư.

**Câu 77:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** hỗ trợ nguồn nguyên liệu cho vùng Đồng bằng sông Hồng và các vùng lân cận.

**B.** gắn sản xuất cây công nghiệp, cây đặc sản với phát triển công nghiệp chế biến.

**C.** giải quyết việc làm, cải thiện thêm chất lượng cuộc sống cho người lao động.

**D.** hình thành và phát triển nông nghiệp của vùng theo hướng chuyên môn hóa.

**Câu 78:** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là

**A.** thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.

**B.** tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.

**C.** phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.

**D.** đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với nước ngoài.

**Câu 79:** Cho biểu đồ về một số cây trồng ở nước ta



*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Quy mô diện tích. **B.** Quy mô sản lượng.

 **C.** Cơ cấu diện tích. **D.** Cơ cấu sản lượng.

**Câu 80:** Thế mạnh chủ yếu để phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao ở Đồng bằng sông Hồng là

 **A**. cơ sở hạ tầng rất hiện đại, nhiều đầu mối giao thông lớn.

 **B**. cơ sở vật chất kĩ thuật tốt, gần các vùng giàu tài nguyên.

 **C**. lao động nhiều kinh nghiệm, tập trung chủ yếu ở đô thị.

 **D**. lao động có trình độ, thu hút nhiều đầu tư nước ngoài.

**----------- HẾT ----------**

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

**ĐỀ 2**

**Câu 41:** Cho biểu đồ sau:

****

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI**

**CỦA MỘT SỐ NƯỚC Ở ĐÔNG NAM Á**

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2019)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi nhận xét sự thay đổi tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của một số nước và vùng lãnh thổ?

 **A.** In-đô-nê-xi-a tăng hơn Phi-líp-pin . **B.** Phi-líp-pin tăng hơn In-đô-nê-xi-a.

 **C.** In-đô-nê-xi-a tăng, Phi-líp-pin giảm. **D.** In-đô-nê-xi-a giảm, Phi-líp-pin tăng.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có tỉ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu GDP nhỏ nhất?

 **A.** Hải Phòng. **B.** Nam Định. **C.** Hạ Long. **D.** Việt Trì.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Quảng Ninh. **C.** Cao Bằng. **D.** Hà Giang.

**Câu 44:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trâu được nuôi nhiều ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Cà Mau. **B.** Đồng Nai. **C.** Bình Phước. **D.** Trà Vinh.

**Câu 45:** Cho bảng số liệu:

 GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA BRUNÂY, GIAI ĐOẠN

 2010 – 2019 *(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2015** | **2019** |
| Xuất khẩu | 8887 | 11436 | 6338 | 6775 |
| Nhập khẩu | 2535 | 3613 | 3235 | 4167 |

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cán cân xuất, nhập khẩu của Brunây, giai đoạn 2010 – 2019?

 **A.** Cán cân xuất nhập khẩu của Brunây không ổn định.

 **B.** Giá trị xuất khẩu tăng, giá trị nhập khẩu giảm liên tục.

 **C.** Cán cân xuất nhập khẩu của Brunây luôn xuất siêu.

 **D.** Cán cân xuất nhập khẩu của Brunây luôn nhập siêu.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, đi từ Bắc vào Nam lần lượt qua các đô thị

**A.** Sầm Sơn - Tam Kì - Tuy Hòa - Phan Thiết. **B.** Cửa Lò - Thái Bình - Đông Hà - Cam Ranh.

**C.** Quy Nhơn - Hà Tĩnh - Phan Thiết - Bà Rịa. **D.** Bắc Kạn - Lào Cai - Quảng Ngãi - Tuy Hòa.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết khu vực nào cao nhất trên lát cắt C - D?

**A.** Cao nguyên Mộc châu. **B.** Núi Phu Pha Phong. **C.** Núi Phu Luông. **D.** Núi Phanxipang.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biếttrung tâm công nghiệp Bỉm Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Ninh Bình. **B.** Nghệ An. **C.** Thanh Hóa. **D.** Nam Định.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 63 nối Cà Mau với nơi nào sau đây?

**A.** Bạc Liêu. **B.** Sóc Trăng. **C.** Cần Thơ. **D.** Rạch Giá.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng chè lớn nhất Tây Nguyên?

**A.** Đắc Lắk. **B.** Gia lai. **C.** Lâm Đồng. **D.** Kon Tum.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào thuộc tỉnh Nghệ An?

**A.** Pù Mát. **B.** Vũ Quang. **C.** Bạch Mã. **D.** Yok Đôn.

**Câu 52:** Ngành nào sau đây đã làm thay đổi mạnh mẽ nhất cơ cấu kinh tế của Đông Nam Bộ?

 **A.** Du lịch biển đảo. **B**. Công nghiệp dầu khí.

 **C**. Công nghiệp đóng tàu. **D**. Chế biến thủy sản.

**Câu 53:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào Đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu theo hướng nào sau đây?

**A.** Đông. **B.** Nam. **C.** Đông nam. **D.** Tây nam.

**Câu** **54:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cây chè được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Kon Tum. **B.** Đắk Lắk. **C.** Đắk Nông. **D.** Lâm Đồng.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Hải Phòng **không** có ngành chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

**A.** Chè, cà phê, thuốc lá, hạt điều. **B.** Đường sữa, bánh kẹo.

**C.** Sản phẩm chăn nuôi. **D.** Rượu, bia, nước giải khát.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

**A.** Hà Giang. **B.** Điện Biên. **C.** Gia Lai. **D.** Cà Mau.

**Câu 57:** Than nâu tập trung nhiều nhất ở vùng

**A.** Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 58.** Tháng nào sau đây tập trung nhiều bão nhất ở nước ta?

 **A.** VIII. **B**. IX. **C.** X. **D.** XI.

**Câu 59:** Ngành công nghiệp dầu khí nước ta hiện nay

**A.** tập trung ở thềm lục địa phía Bắc. **B.** cơ sở vật chất kỹ thuật chưa tiến bộ.

**C.** đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước. **D.** thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 60.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết đồng bằng Tuy Hòa được mở rộng bởi phù sa sông của hệ thống sông nào sau đây?

 **A.** Sông Gianh  **B.** Sông Trà Khúc  **C.** Sông Xê Xan  **D.** Sông Đà Rằng.

**Câu 61:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Quảng Trị. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 62:** Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng là

**A.** canh tác hợp lí, chống ô nhiễm đất đai. **B.** áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.

**C.** tổ chức định canh, định cư cho người dân. **D.** thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.

**Câu 63:** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta

**A.** ngành công nghiệp và xây dựng tăng tỉ trọng. **B.** ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm tỉ trọng.

**C.** nhà nước quản lí các ngành kinh tế then chốt. **D.** xuất hiện nhiều khu công nghiệp quy mô lớn.

**Câu 64.** Tất cả các tỉnh giáp biển đều đẩy mạnh đánh bắt hải sản, nhưng nghề cá có vai trò lớn hơn cả ở các tỉnh thuộc

 **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

 **B.** Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

 **D.** Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 65:** Lương thực là mối quan tâm thường xuyên của Nhà nước ta vì

**A.** khí hậu diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.

**B.** phần lớn nước ta có diện tích là đồi núi thấp.

**C.** điều kiện tự nhiên không phù hợp cho sản xuất lương thực.

**D.** nhằm đáp ứng nhu cầu của đời sống, sản xuất và xuất khẩu.

**Câu 66:** Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng và bảo vệ nguồn hải sản nước ta hiện nay là

**A.** đầu tư trang thiết bị hiện đại để đánh bắt xa bờ.

**B.** đẩy mạnh phát triển sơ sở công nghiệp chế biến.

**C.** phát triển các dịch vụ phục vụ ngành khai thác hải sản.

**D.** phổ biến kinh nghiệm, trang bị kiến thức cho ngư dân.

**Câu 67:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí nước ta?

**A.** Ở trung tâm bán đảo Đông Dương. **B.** Trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc.

**C.** Tiếp giáp với Biển Đông. **D.** Trong vùng nhiều thiên tai.

**Câu 68:** Tác động tích cực của đô thị hóa đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta là

**A.** ở nước ta có tỉ lệ dân thành thị tăng. **B.** các đô thị ở nước ta có qui mô không lớn.

**C.** các đô thị tập trung chủ yếu ở đồng bằng. **D.** thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển.

**Câu 69:** Lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực quốc doanh sang các khu vực khác vì

**A.** Khu vực quốc doanh làm ăn không có hiệu quả.

**B.** Kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.

**C.** Tác động của công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

**D.** Nước ta thực hiện nền kinh tế mở, thu hút đầu tư từ nước ngoài.

**Câu 70:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vận tải đường ống nước ta?

**A.** Có lịch sử xuất hiện và phát triển chưa lâu. **B.** Gắn với sự phát triển của ngành dầu khí.

**C.** Mạng lưới phát triển rộng khắp cả nước. **D.** Vận chuyển chủ yếu là chất lỏng, chất khí.

**Câu 71:** Cơ cấu kinh tế Bắc Trung Bộ hiện nay có sự dịch chuyển quan trọng chủ yếu do tác động của

**A.** phát triển cơ sở vật chất kĩ thuật, khai thác thế mạnh, nâng dân trí.

**B.** thu hút đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, nâng chất lượng lao động.

**C.** hội nhập toàn cầu sâu rộng, tăng trưởng kinh tế, mở rộng các đô thị.

**D.** mở rộng hợp tác quốc tế, đào tạo nhân lực, phát huy các nguồn lực.

**Câu 72:** Tình trạng xâm nhập mặn vào mùa khô ở Đồng bằng sông Cửu Long nghiêm trọng hơn trong những năm gần đây chủ yếu do

**A.** nhiều cửa sông, vùng trũng rộng lớn, biến đổi khí hậu toàn cầu.

**B.** địa hình thấp, ba mặt giáp biến, nhu cầu sử dụng nước ngọt tăng.

**C.** lượng nước mưa giảm nhanh, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông lớn.

**D.** địa hình thấp, biến đổi khí hậu, sử dụng nước ở trung và thượng lưu.

**Câu 73:** Việc bảo vệ rừng và phát triển thủy lợi ở Tây Nguyên có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A.** Hạn chế khô hạn, giữ được mực nước ngầm. **B.** Bảo vệ đa dạng sinh học, nguồn gen quý hiếm.

**C.** Cung cấp gỗ tròn cho công nghiệp chế biến. **D.** Giảm lũ lụt, xói mòn và sạt lở đất mùa mưa.

**Câu 74:** Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam nước ta chủ yếu do

 **A**. vị trí ở xa xích đạo, Tín phong Đông Bắc, tiếp giáp Biến Đông.

 **B**. vị trí gần chí tuyến Bắc, gió mùa Đông Bắc, đầy đủ ba đại cao.

 **C**. năm ở vùng nội chí tuyến, gió mùa Tây Nam, độ cao địa hình.

 **D**. nằm ở gần vùng ngoại chí tuyến, gió tây nam, lãnh thổ rộng lớn.

**Câu 75:** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỊT CÁC LOẠI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2018.**

**(**Đơn vị: Nghìn tấn)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số | Thịt trâu | Thịt bò | Thịt lợn |
| 2005 | 2490,3 | 59,8 | 142,2  | 2288,3 |
| 2010 | 3398,8 | 83,6 | 278,9 | 3036,4 |
| 2015 | 3877,1 | 85,8 | 299,7 | 3491,6 |
| 2018 | 4143,0 | 88,0 | 321,7 | 3733,3 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

 Theo bảng số liệu, để thể hiện qui mô sản lượng thịt các loại của nước ta giai đoạn 2005 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Kết hợp. **C.** Đường.  **D.** Cột chồng.

**Câu 76:** Vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất trong ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt. **B.** đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** khai thác hợp lí và bảo vệ các nguồn lợi. **D.** phát triển nuôi trồng và đẩy mạnh chế biến.

 **Câu 77.** Cây chè có vai trò quan trọng nhất trong cơ cấu cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu là do

 **A.** nhu cầu xuất khẩu lớn, nhiều loại đất thích hợp và phân bố khắp cả vùng.

 **B.** chiếm tỉ trọng lớn sản lượng, nguyên liệu chính cho công nghiệp chế biến.

 **C.** nhiều lợi thế về tự nhiên, hiệu quả kinh tế cao, diện tích lớn, phân bố rộng.

 **D.** khí hậu thuận lợi, địa hình phân hóa đa dạng, kinh nghiệm của người dân.

**Câu 78:** Yếu tố nào sau đây có tác động chủ yếu đến sự phát triển nội thương của nước ta hiện nay?

**A.** Kinh tế phát triển, tài nguyên phong phú.

**B.** Kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.

**C.** Cơ cấu dân số có sự thay đổi, kinh tế phát triển.

**D.** Có nhiều thành phần kinh tế, tài nguyên phong phú.

**Câu 79:** Cho biểu đồ về dân thành thị nước ta giai đoạn 2009 - 2019:



 *(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Tốc độ tăng trưởng dân thành thị nước ta, giai đoạn 2009 - 2019.

 **B.** Quy mô, cơ cấu dân thành thị nước ta, giai đoạn 2009 - 2019.

 **C.** Số dân và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2009 - 2019.

 **D.** Thay đổi cơ cấu dân thành thị nước ta, giai đoạn 2009 - 2019.

**Câu 80:** Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

 **A.** giáp Trung du và miền núi Bắc Bộ, giàu khoáng sản.

 **B.** thu hút lớn đầu tư, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

 **C.** có nguyên liệu từ nông, lâm và ngư nghiệp dồi dào.

 **D.** khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, cơ sở hạ tầng đồng bộ.

**----------- HẾT ----------**

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

**ĐỀ 3**

**Câu 41:** Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2010 VÀ 2018

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi giá trị xuất khẩu năm 2018 so với năm 2010 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

**A.** In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a tăng và In-đô-nê-xi-a giảm.

**C.** Ma-lai-xi-a tăng gấp hai lần In-đô-nê-xi-a. **D.** In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Đồng bằng sông Cửu Long có các khu kinh tế ven biển nào sau đây?

**A.** Định An, Năm Căn, Vân Phong. **B.** Định An, Năm Căn, Phú Quốc.

**C.** Định An, Năm Căn, Dung Quất. **D.** Định An, Năm Căn, Nhơn Hội.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp với Đồng bằng sông Hồng và giáp với Bắc Trung Bộ?

**A.** Hòa Bình. **B.** Phú Thọ. **C.** Thái Nguyên. **D.** Bắc Giang.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim đen?

**A.** Mỹ Tho. **B.** Kiên Lương. **C.** Cần Thơ. **D.** Tân An.

**Câu** **45.** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á, NĂM 2019

*(Đơn vị: Triệu USD)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| Ma-lai-xi-a | 3 788,8 | 7 290,9 |
| Phi-li-pin | 3 729,7 | 1 577,4 |
| Xin-ga-po | 3 197,8 | 4 091,0 |
| Thái Lan | 5 272,1 | 11 655,6 |

(*Nguồn: theo Niên giám thống kê Việt Nam sơ bộ 2019)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của các quốc gia, năm 2019?

**A.** Các quốc gia xuất siêu là Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.

**B.** Các quốc gia xuất siêu là Ma-lai-xi-a, Phi-li-pin, Xin-ga-po.

**C.** Các quốc gia nhập siêu là Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-li-pin.

**D.** Các quốc gia nhập siêu là Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết những đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 10 vạn người trở lên?

**A.** Sầm Sơn, Cửa Lò, Đông Hà. **B.** Hà Nội, Việt Trì, Thái Nguyên.

**C.** Việt Trì, Thái Nguyên, Yên Bái. **D.** Cần Thơ, Mỹ Tho, Trà Vinh.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây **không** thuộc vùng núi Đông Bắc?

**A.** Phu Luông. **B.** Kiều Liêu Ti. **C.** Tây Côn Lĩnh. **D.** Pu Tha Ca.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết vùng nào sau đây có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất cả nước?

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Duyên hải miền Trung.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ 1 **không** đi qua thành phố nào sau đây?

**A.** Hòa Bình. **B.** Thanh Hóa. **C.** Biên Hòa. **D.** Cần Thơ.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồngcâycông nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

**A.** Lâm Đồng. **B.** Phú Yên. **C.** Gia Lai. **D.** Đắk Lắk.

**Câu 51.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung

tâm du lịch có ý nghĩa vùng của đồng bằng sông Cửu Long?

 **A**. Kiên Giang. **B**. Cần Thơ. **C**. Cà Mau. **D**. Đồng Tháp.

**Câu 52:** Khó khăn về tự nhiên của Đông Nam Bộ là

**A.** nhiều khoáng sản. **B.** đất đai kém màu mỡ.

**C.** ít tài nguyên rừng. **D.** mùa khô kéo dài sâu sắc.

**Câu 53:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Nam?

**A.** Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ. **B.** Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.

**C.** Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. **D.** Vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Krông Bơ Lan?

**A.** Vĩnh Sơn. **B.** Yaly. **C.** Đa Nhim. **D.** Đrây Hling.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có qui mô vừa?

**A.** Huế. **B.** Cần Thơ. **C.** Hà Nội. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết đảo Lý Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Quảng Nam. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Bình Định. **D.** Phú Yên.

**Câu 57:** Tiềm năng thuỷ điện lớn nhất của nước ta tập trung trên hệ thống sông

**A.** Sông Đồng Nai. **B.** Sông Hồng. **C.** Sông Thái Bình. **D.** Sông Mã.

**Câu 58:** Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ít nghiêm trọng nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Miền Bắc. **B.** Nam Bộ. **C.** Nam Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 59.** Nguyên nhân chính hạn chế sự phát triển các nhà máy nhiệt điện chạy bằng khí ở phía Bắc nước ta là

 **A.** vị trí cách xa nguồn nhiên liệu. **B.** việc xây dựng đòi hỏi vốn lớn.

 **C.** các nhà máy gây ô nhiễm môi trường. **D.** nhu cầu về điện thấp.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây **không** trực tiếp chảy ra biển Đông?

**A.** Sông Hồng, sông Thái Bình. **B.** Sông Kì Cùng - Bằng Giang.

**C.** Sông Thu Bồn, sông Đồng Nai. **D.** Sông Mê Công và sông Mã.

**Câu 61:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết sân bay Đồng Hới thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Nghệ An. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Quảng Trị. **D.** Quảng Bình.

**Câu 62:** Phần lớn diện tích rừng nước ta hiện nay là

**A.** rừng nguyên sinh chất lượng tốt. **B.** rừng non mới phục hồi và rừng trồng.

**C.** rừng trồng chưa khai thác được. **D.** rừng nghèo và rừng mới phục hồi.

**Câu 63:** Nước ta từng bước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài từ sau công cuộc Đổi mới được triển khai, thể hiện qua

**A.** đời sống nhân dân được cải thiện.        **B.** tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao

**C.** giảm tỷ lệ thất nghiệp        **D.** giảm phân hóa giàu nghèo.

**Câu 64:** Khó khăn nào sau đây là lớn nhất làm gián đoạn thời gian khai thác hải sản ở nước ta?

**A.** Nguồn lợi thủy sản bị suy giảm. **B.** Địa hình bờ biển rất phức tạp.

**C.** Môi trường ven biển bị suy thoái. **D.** Có nhiều bão và gió mùa Đông Bắc.

**Câu 65.** Khó khăn lớn nhất trong việc phát triển cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

**A.** trình độ lao động chưa đáp ứng yêu cầu. **B.** công nghiệp chế biến còn nhiều hạn chế.

**C.** khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư thấp. **D.** thị trường tiêu thụ có nhiều biến động.

**Câu 66:** Dọc bờ biển nước ta có nhiều vụng biển rộng, kín gió thuận lợi cho việc

**A.** xây dựng các cảng nước sâu. **B.** phát triển du lịch biển đảo.

**C.** khai thác khoáng sản. **D.** khai thác hải sản.

**Câu 67:** Nhận định nào dưới đây **không** đúng về lãnh hải nước ta?

**A.** Thuộc chủ quyền quốc gia trên biển. **B.** Có chiều rộng 12 hải lí.

**C.** Có độ sâu khoảng 200m. **D.** Được coi là đường biên giới trên biển.

**Câu 68:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội nước ta?

**A.** Tác động mạnh tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**B.** Sử dụng hạn chế những lao động có chuyên môn kĩ thuật.

**C.** Có khả năng tạo ra việc làm và thu nhập cho lao động.

**D.** Ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế của địa phương.

**Câu 69:** Trong những năm gần đẩy, nước ta đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Giúp phân bố lại dân cư và nguồn lao động.

**B.** Góp phần đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.

**C.** Hạn chế tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm.

**D.** Nhằm đa dạng các loại hình đào tạo lao động.

**Câu 70:** Điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển nước ta là

**A.** có nhiều cảng nước sâu và cụm cảng quan trọng.

**B.** khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

**C.** đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

**D.** các tuyến đường ven bờ chủ yếu hướng bắc - nam.

**Câu 71:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

**A.** phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

**B.** đẩy mạnh giao lưu với các vùng thúc đẩy phát triển du lịch.

**C.** thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.

**D.** tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.

**Câu 72:** Cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

 **A.** chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, phát triển các sản phẩm giá trị.

 **B.** đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, tích cực mở rộng thị trường.

 **C.** sản xuất theo hướng thâm canh, khai thác hiệu quả thế mạnh.

 **D.** ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, giải quyết việc làm tại chỗ.

**Câu 73:** Ý nghĩa lớn nhất của các công trình thủy điện đối với kinh tế của vùng Tây Nguyên là

**A.** cung cấp nước tưới cho các vườn cây công nghiệp trong mùa khô.

**B.** điều tiết nước cho các sông, cung cấp nước cho các ngành sản xuất.

**C.** tạo ra nguồn điện dồi dào và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**D.** thúc đẩy hoạt động du lịch sinh thái và cung cấp nước cho sinh hoạt.

**Câu 74:** Quy luật địa ô biểu hiện không rõ ràng trên lãnh thổ nước ta chủ yếu do

 **A**. lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ, nhiều đồng bằng châu thổ sông lớn,

 **B**. vùng biển rộng lớn, bờ biển dài, địa hình đồi núi đâm ngang ra biển.

 **C**. đồng bằng ven biển nhỏ, hẹp ngang với nhiều vùng, vịnh và cửa sông.

 **D**. lãnh thổ hẹp ngang, địa hình nghiêng theo hướng tây bắc - đông nam.

**Câu 75:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2019

 *( Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2010** | **2016** | **2019** |
| Xuất khẩu | 32447,1 | 72236,7 | 162016,7 | 243697,3 |
| Nhập khẩu | 36761,1 | 84838,6 | 165775,9 | 237182,0 |
| Tổng số | 69208,2 | 157075,3 | 327792,6 | 480879,3 |

  *(Nguồn: Niên giám thông kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của nước giai đoạn 2005 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Miền. **B.** Đường. **C.** Kết hợp. **D.** Tròn.

**Câu 76:** Để tăng vai trò trung chuyển và đẩy mạnh giao lưu theo chiều Bắc - Nam, Duyên hải Nam Trung Bộ cần phải thực hiện biện pháp chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nâng cấp quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam. **B.** Đẩy mạnh phát triển các tuyến đường ngang.

**C.** Phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. **D.** Khôi phục và hiện đại hóa hệ thống sân bay.

**Câu 77:** Phương hướng nào sau đây là chủ yếu để đẩy mạnh chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Đảm bảo việcvận chuyển sản phẩm chăn nuôi tới vùngtiêu thụ, nhập giống chất lượng.

**B.** Cải tạo, nângcao năngsuất cácđồng cỏ, phát triển hệthốngchuồngtrại, dịch vụ thúy.

**C.** Tăng cườnghệthống chuồngtrại, đẩymạnh việcchăn nuôi theo hình thức công nghiệp.

**D.** Đảm bảo tốt việc vận chuyển sản phẩm chăn nuôi tới vùngtiêu thụ, cải tạo các đồng cỏ.

**Câu 78:** Hàng nội địa và xuất khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

**A.** sản xuất trong nước phát triển, chính sách đẩy mạnh xuất khẩu.

**B.** nguồn tài nguyên thiên nhiên cho sản xuất phong phú, đa dạng.

**C.** nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất, nguyên liệu đa dạng.

**D.** đẩy mạnh việc xuất khẩu, khai thác nguồn khoáng sản, thủy sản.

**Câu 79.** Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Chế độ nhiệt, ẩm của một số địa điểm nước ta.

 **B.** Nhiệt độ, lượng mưa và độ ẩm của một số địa điểm nước ta.

 **C.** Nhiệt độ, lượng mưa của một số địa điểm nước ta.

 **D.** Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm.

**Câu 80:** Biện pháp chủ yếu phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

 **A.** đảm bảo nguyên liệu, nâng cấp cơ sở hạ tầng. **B.** tăng nguồn lao động, hình thành khu chế xuất.

 **C.** thúc đẩy công nghiệp hóa, mở rộng thị trường. **D.** sử dụng công nghệ mới, tăng thiết bị hiện đại.

**----------- HẾT ----------**

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

**ĐỀ 4**

**Câu 41: Cho biểu đồ:**



Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị của một số nước Đông Nam Á năm 2019?

 **A.** Dân thành thị của In-đô-nê-xi-a cao hơn Campuchia và Xingapo.

 **B.** Tỉ lệ dân thành thị của các nước Đông Nam Á có sự chênh lệch lớn.

 **C.** Tỉ lệ dân thành thị của các nước Đông Nam Á ít có sự chênh lệch.

 **D.** In-đô-nê-xi-a có tỉ lệ dân thành thị thấp hơn Việt Nam, cao Xingapo.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có GDP bình quân đầu người từ 15 đến 18 triệu đồng?

**A.** Phú Yên. **B.** Bình Thuận. **C.** Ninh Thuận. **D.** Khánh Hòa.

**Câu** **43:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khai thác vàng thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Tuyên Quang. **C.** Bắc Kạn. **D.** Lạng Sơn.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, các khu kinh tế ven biển nào sau đây của vùng đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Định An, Năm Căn. **B.** Định An, Bạc Liêu.

**C.** Định An, Kiên Lương. **D.** Năm Căn, Rạch Giá.

**Câu 45:** Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

*( Đơn vị: triệu người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Việt Nam** | **Ma-lai-xi-a** | **Phi-lip-pin** |
| Tổng số | 273 | 97 | 32 | 109 |
| Thành thị | 153 | 37 | 25 | 51 |
| Nông thôn | 120 | 60 | 7 | 58 |

 *(Nguồn: Thống kế từ Liên hợp quốc 2020, https://danso.org)*

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia năm 2019?

**A**. Ma-lai-xi-a cao nhất. **B.** Phi-lip-pin thấp nhất.

**C**. Việt Nam cao hơn Ma-lai-xi-a. **D.** Phi-lip-pin cao hơn In-đô-nê-xi-a.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 1?

**A.** Việt Trì. **B.** Hải Phòng. **C.** Hà Nội. **D.** Nam Định.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và ĐôngBắc Bắc Bộ?

**A.** Tây Côn Lĩnh. **B.** Phanxipăng. **C.** Pu Trà. **D.** Phu Luông.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có luyện kim màu?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Cẩm Phả. **C.** Nam Định. **D.** Việt Trì.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng biển nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

**A.** Thuận An. **B.** Vũng Áng. **C.** Chân Mây. **D.** Dung Quất.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực dưới 60% ?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Bình Thuận. **C.** Tây Ninh. **D.** Bình Phước.

**Câu** **51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các trung tâm du lịch nào sau đây có quy mô cùng cấp?

**A.** Hạ Long, Hà Nội. **B.** Hải Phòng, Đà Nẵng. **C.** Vũng Tàu, Nha Trang. **D.** Cần Thơ, Huế.

**Câu 52.** Ở Đông Nam Bộ, tiềm năng thủy điện lớn nhất trên hệ thống sông nào?

 **A**. Sông Bé. **B**. Sông Đồng Nai.

 **C**. Sông Sài Gòn  **D**. Sông Cửu Long.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI?

**A.** Cần Thơ. **B.** Trường Sa. **C.** Thanh Hóa. **D.** Hoàng Sa.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cao nguyên nào sau đây **không** thuộc vùng Tây Nguyên?

**A.** Mộc Châu. **B.** Lâm Viên. **C.** Đăk Lăk. **D.** Mơ Nông.

**Câu 55:** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất lớn nhất nước ta?

**A.** Phú Mỹ, Bà Rịa, Cà Mau. **B.** Phú Mỹ, Phả Lại, Ninh Bình.

**C.** Phú Mỹ, Phả Lại, Cà Mau. **D.** Phả Lại, Cà Mau, Trà Nóc.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

**A.** Phú Thọ. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Bình Dương. **D.** Cao Bằng.

**Câu 57:** Ngành nào sau đây **không** thuộccông nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

**A.** Chế biến gạo, ngô xay xát. **B.** Dệt- may.

**C.** Sản xuất rượu, bia, nước ngọt. **D.** Chế biến chè, cà phê, thuốc lá.

**Câu 58:** Vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão là

**A.** ven biển đồng bằng sông Hồng. **B.** ven biển Trung Bộ.

**C.** ven biển Nam Trung Bộ. **D.** ven biển Nam Bộ.

**Câu 59:** Hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển chậm, phân bố phân tán, rời rạc ở

**A.** Duyên hải miền Trung. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Đồng Bằng sông Cửu Long.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sôngHồng?

**A.** Sông Cả. **B.** Sông Chu. **C.** Sông Mã. **D.** Sông Đà.

**Câu** **61:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế?

**A.** Na Mèo. **B.** Cha Lo. **C.** Nậm Cắn. **D.** A Đớt.

**Câu 62.** Loại rừng có ý nghĩa rất quan trọng đối với môi sinh là

 **A.** rừng sản xuất. **B.** rừng ngập mặn. **C.** rừng đặc dụng. **D.** rừng phòng hộ.

**Câu 63.** Một trong những định hướng quan trọng nhằm đổi mới nền kinh tế nước ta là

 **A.** thực hiện chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo.

 **B.** hoàn thiện và thực hiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

 **C.** đẩy mạnh CNH-HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức.

 **D.** đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế và tăng tiềm lực kinh tế quốc gia.

**Câu 64:** Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng bị suy giảm chủ yếu là do

**A.** phá rừng để mở rông diện tích đất trồng trọt.

**B.** phá rừng để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

**C.** phá rừng để khai thác gỗ, củi và lâm sản khác.

**D.** ô nhiễm môi trường đất và nước rừng ngập mặn.

**Câu 65:** Yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây là

**A.** điều kiện tự nhiên thuận lợi. **B.** thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.

**C.** tiến bộ của khoa học - kĩ thuật. **D.** lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.

**Câu 66:** Đánh giá nào sau đây **không** đúng với tài nguyên khoáng sản ở vùng biển nước ta?

**A.** Có một số mỏ sa khoáng ôxit có giá trị xuất khẩu.

**B.** Đồng bằng sông Hồng thuận lợi nhất để sản xuất muối.

**C.** Cát trắng có ở các đảo thuộc Quảng Ninh, Khánh Hòa.

**D.** Vùng thềm lục địa có các tích tụ dầu khí, với nhiều mỏ.

**Câu 67:** Sự đa dạng về bản sắc dân tộc của nước ta là do vị trí

**A.** có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn với văn minh bản địa.

**B.** diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động.

**C.** nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế lớn.

**D.** liền kề của hai vành đai sinh khoáng lớn.

**Câu 68:** Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hóa tới sự phát triển kinh tế nước ta là

**A.** tăng thu nhập cho người dân. **B.** làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** tạo việc làm cho người lao động. **D.** gây sức ép đến môi trường đô thị.

**Câu 69:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho thu nhập bình quân của lao động nước ta thuộc loại thấp so với thế giới?

**A.** Năng suất lao động chưa cao. **B.** Tỉ lệ lao động nông nghiệp còn lớn.

**C.** Hệ thống cơ sở hạ tầng lạc hậu. **D.** Lao động thiếu tác phong công nghiệp.

**Câu 70.** Vai trò của giao thông vận tải đối với đời sống nhân dân là

 **A.** bảo vệ an ninh, quốc phòng. **B.** tạo điều kiện giao lưu giữa các dân tộc.

 **C.** vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm. **D.** đảm bảo mối liên hệ giữa các vùng kinh tế.

**Câu 71:** Ý nghĩa chủ yếu của việc thu hút đầu tư trong phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

 **A.** Khai thác hiệu quả nguồn lực, nâng cao năng lực cho các cơ sở sản xuất.

 **B.** chuyển dịch cơ cấu ngành, hình thành nhiều khu công nghiệp tập trung.

 **C.** hoàn thiện cơ sở vật chất, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

 **D.** mở rộng qui mô sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh cho nhiều sản phẩm.

**Câu 72:** Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của Đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.

 **B.** mực nước sông thấp, thủy triều ảnh hưởng mạnh.

 **C.** nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.

 **D.** thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lấn sâu.

**Câu 73:** Giải pháp quan trọng hàng đầu để nâng cao giá trị lâm nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** đẩy mạnh chế biến gỗ tại chỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

**B.** bảo vệ các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên.

**C.** ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác hợp lí và trồng rừng.

**D.** tăng cường trồng rừng, mở rộng quy mô các lâm trường.

**Câu 74:** Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có nhiều loài thực vật nhiệt đới, xích đạo vì

**A.** khí hậu có mùa đông lạnh, các loại di cư từ phương Nam và phương Bắc.

**B.** khí hậu cận xích đạo gió mùa, các loài có nguồn gốc từ Mã Lai- Inđônêxia.

**C.** khí hậu nhiệt đới gió mùa, các loài có nguồn gốc từ Ân Độ - Mianma đến.

**D.** khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự di cư của các loài từ Himalaya xuống.

**Câu 75:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** | **2019** |
| Sợi *(Nghìn tấn)* | 129,9 | 259,2 | 810,2 | 1905,3 | 3180,4 |
| Vải *(Triệu m2)* | 356,4 | 560,8 | 1176,9 | 1525,6 | 2298,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng sợi và vải của nước ta, giai đoạn 2000 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Miền. **C.** Đường. **D.** Cột.

**Câu 76:** Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển nhiều loại hình du lịch biển dựa trên các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

 **A**. Mức sống tăng, tăng cường hoạt động quảng bá và xúc tiến du lịch.

 **B**. Tài nguyên phong phú, nguồn đầu tư lớn, nhu cầu du khách đa dạng.

 **C**. Trình độ lao động nâng cao, cơ sở vật chất được cải thiện, vốn nhiều.

 **D**. Cơ sở hạ tầng và cơ sở lưu trú được đầu tư, quan hệ quốc tế mở rộng.

 **Câu 77.** Công nghiệp khai thác than ở Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển do tác động chủ yếu của

 **A.** nguồn lao động dồi dào, nguồn nguyên liệu phong phú.

**B.** lao động có kĩ thuật, nhu cầu xuất khẩu của vùng lớn.

**C.** nguồn nguyên liệu dồi dào, đáp ứng nhu cầu thị trường.

**D.** nguồn nguyên liệu dồi dào, ứng dụng tiến bộ kĩ thuật.

**Câu 78:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta hiện nay tăng nhanh chủ yếu do

**A.** kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống được nâng lên.

**B.** sự ra đời của nhiều trung tâm thương mại, siêu thị lớn.

**C.** hình thức bán hàng và cung cấpc ác dịch vụ rất đa dạng.

**D.** nhu cầu mua sắm, vui chơi của người dân ngày càng cao.

**Câu 79:** Cho biểu đồ về GDP nước ta năm 2010 và 2019:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế nước ta.

 **B.** Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng GDP theo thành phần kinh tế.

 **D.** Giá trị GDP phân theo khu vực kinh tế nước ta.

**Câu 80:** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tỉ lệ thiếu việc làm ở vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng cao là

**A.** công nghiệp mới bước đầu phát triển với cơ cấu đơn giản.

**B.** diện tích đất nông nghiệp bình quân theo đầu người thấp.

**C.** dòng người di cư từ nông thôn lên thành phố tìm việc làm.

**D.** tập trung nhiều thành phố lớn với mật độ dân số rất cao.

**----------- HẾT ----------**

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

**ĐỀ 5**

**Câu 41:** Cho biểu đồ



GDP CỦA MA-LAI-XI-A VÀ XIN-GA-PO NĂM 2010 VÀ 2018

*(Số liệu theo Niên giám thông kê Việt Nam 2019, NXB Thông kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP năm 2018 với năm 2010 của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po?

**A.** Xin-ga-po tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a tăng nhiều hơn Xin-ga-po.

**C.** Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn Xin-ga-po. **D.** Xin-ga-po tăng gấp hai lần Ma-lai-xi-a.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng có quy mô trên 15 đến 100 nghìn tỉ đồng?

**A.** Hà Nội. **B.** Nam Định. **C.** Hải Phòng. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết tỉnh nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm ở ngã ba biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào?

**A.** Lai Châu. **B.** Điện Biên. **C.** Hoà Bình. **D.** Sơn La.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

**A.** An Giang. **B.** Hà Tiên. **C.** Đồng Tháp. **D.** Mộc Bài.

**Câu 45:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2018

*(Đơn vị: Tỷ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Ma-lai-xi-a** | **Cam-pu-chia** | **Việt Nam** | **Thái Lan** |
| Xuất khẩu | 200,7 | 12,3 | 189,1 | 288,4 |
| Nhập khẩu | 180,8 | 13,1 | 191,7 | 220,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng khi so sánh tổng giá trị xuất nhập khẩu của một số quốc gia, năm 2017?

**A**. Việt Nam thấp hơn Thái Lan. **B**. Việt Nam cao hơn Ma-lai-xi-a.

**C**. Cam-pu-chia thấp hơn Việt Nam. **D**. Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Bình?

**A.** Đồng Hới. **B.** Vinh. **C.** Đông Hà. **D.** Tam Kỳ.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết tuyến đường số 19 đi qua đèo nào sau đây?

**A.** Đèo An Khê. **B.** Đèo Phượng Hoàng. **C.** Đèo Ngoạn Mục. **D.** Đèo Cả.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biếttrung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất lớn nhất?

**A.** Việt Trì. **B.** Phúc Yên. **C.** Hải Phòng. **D.** Hà Nội.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng biển nào sau đây thuộc tỉnh Nghệ An?

**A.** Vũng Áng. **B.** Thuận An. **C.** Nhật Lệ. **D.** Cửa Lò.

**Câu 50**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây **không** có sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính theo đầu người trên 50kg/người?

 **A**. Lào Cai. **B**. Bình Định. **C**. Đồng Nai. **D**. Cần Thơ.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

**A.** Cần Thơ. **B.** Lạng Sơn. **C.** Hà Nội. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 52:** Các nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

**A.** Thác Mơ, Yaly, Cần Đơn. **B.** Trị An, Thác Mơ, Yaly.

**C.** Trị An, Thác Mơ, Cần Đơn. **D.** Cần Đơn, Yaly, Trị An.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào Bắc Trung Bộ nước ta chủ yếu theo hướng nào sau đây?

**A.** Đông Bắc. **B.** Đông Nam. **C.** Tây Bắc. **D.** Tây Nam.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết ở Duyên hải Nam Trung Bộ, nơi nào sau đây **không** phải là bán đảo?

**A.** Hòn Gốm. **B.** Sơn Trà. **C.** Lí Sơn. **D.** Phước Mai.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy điện nào sau đây **không** chạy bằng than?

**A.** Na Dương. **B.** Uông Bí. **C.** Bà Rịa. **D.** Ninh Bình.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

**A.** Điện Biên. **B.** Yên Bái. **C.** Tuyên Quang. **D.** Sơn La.

**Câu 57:** Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Duyên hải miền Trung. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 58:** Vùng nào sau đây ở nước ta ít chịu ảnh hưởng của bão nhất?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng Sông Cửu Long. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 59:** Sản phẩm chuyên môn hóa công nghiệp của hướng Hà Nội - Thái Nguyên là

 **A.** khai thác than, điện. **B.** hóa chất, giấy. **C.** điện, dệt - may. **D.** cơ khí, luyện kim.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

**A.** Sông Đồng Nai. **B.** Sông Thái Bình **C.** Sông Cả. **D.** Sông Hồng.

**Câu 61:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Hà Tĩnh. **B.** Quảng Bình. **C.** Nghệ An. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 62:** Loại rừng có vai trò quan trọng nhất trong việc bảo vệ đất ở khu vực miền núi là

 **A.** rừng ngập mặn. **B.** rừng sản xuất.

 **C.** rừng đầu nguồn. **D.** rừng phòng hộ ven biển.

**Câu 63:** Phát biểu nào sau đây **không** thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta?

**A.** Xuất hiện các ngành công nghiệp trọng điểm. **B.** Phân hóa sản xuất giữa các vùng trong nước.

**C.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế. **D.** Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.

**Câu 64:** Khó khăn tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động khai thác hải sản xa bờ của nước ta?

**A.** Hải sản ven bờ ngày càng cạn kiệt. **B.** Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới.

**C.** Môi trường biển và hải đảo ô nhiễn. **D.** Hoạt động của gió mùa Đông Bắc trên biển.

**Câu 65:** Để đảm bảo an ninh về lương thực đối với một nước đông dân như Việt Nam, biện pháp quan trọng nhất là

**A.** tiến hành cơ giới hóa, thủy lợi hóa. **B.** cải tạo đất mới bồi ở các vùng cửa sông.

**C.** đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. **D.** khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 66:** Phương hướng khai thác nguồn lợi hải sản vừa hiệu quả vừa góp phần khẳng định chủ quyền vùng trời, vùng biển và thềm lục địa nước ta là

**A.** đánh bắt xa bờ. **B.** đánh bắt ven bờ.

**C.** trang bị vũ khí quân sự. **D.** đẩy mạnh chế biến tại chỗ.

**Câu 67:** Vùng nội thủy của biển nước ta

 **A.** nằm liền kề vùng biển quốc tế. **B.** là phần nằm ngầm ở dưới biển.

**C.** kề với vùng tiếp giáp lãnh hải. **D.** nằm ở phía trong đường cơ sở.

**Câu 68:** Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do

**A.** cơ sở hạ tầng đô thị phát triển. **B.** quá trình công nghiệp hóa.

**C.** gia tăng dân số tự nhiên ở thành thị cao. **D.** di dân từ nông thôn ra thành thị.

**Câu 69.** Việc làm trở thành vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay, là do

 **A**. tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trên cả nước còn lớn.

 **B**. số lượng lao động tăng nhanh hơn so với số việc làm mới.

 **C.** nguồn lao động dồi dào trong khi kinh tế còn chậm phát triển.

 **D.** nguồn lao động dồi dào trong khi chất lượng lao động chưa cao.

**Câu 70:** Ngành hàng không có bước tiến rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Lượng khách du lịch quốc tế lớn. **B.** Chiến lược phát triển táo bạo.

**C.** Lao động có trình độ cao. **D.** Đảm bảo tính an toàn tuyệt đối.

**Câu 71:** Chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu dựa vào điều kiện thuận lợi nào dau đây?

**A.** Đất ba dan khá màu mỡ vùng đồi phía tây, có một số cơ sở chế biến.

**B.** Nguồn lao động đông, dân cư có kinh nghiệm chinh phục tự nhiên.

**C.** Đất cát pha ở đồng bằng ven biển, khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm.

**D.** Cơ sở hạ tầng ngày càng đảm bảo, thu hút được nguồn vốn đầu tư.

**Câu 72:** Việc mở rộng diện tích nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long cần chú ý tới vấn đề chủ yếu nào sau đây?

**A.** Tăng cường giống mới, phổ biến kĩ thuật nuôi trồng.

**B.** Bổ sung nguồn lao động, tăng cường cơ sở thức ăn.

**C.** Bảo vệ rừng ngập mặn, mở rộng thị trường tiêu thụ.

**D.** Phát triển công nghiệp chế biến, bổ sung lao động.

**Câu 73:** Vấn đề đặt ra trong hoạt động chế biến lâm sản ở Tây Nguyên là

**A.** phải chú trọng tới việc ngăn chặn nạn phá rừng.

**B.** khai thác hợp lí đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng.

**C.** chú trọng đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng.

**D.** đẩy mạnh chế biến gỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

**Câu 74:** Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của

 **A**. bão, dải hội tụ nhiệt đới, các loại gió thổi hướng tây nam và đông bắc.

 **B**. gió Tây, gió mùa Đông Bắc, độ cao các dãy núi và hình dáng lãnh thổ.

 **C**. gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

 **D**. vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

**Câu 75:** Cho bảng số liệu:

MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO CÁC VÙNG KINH TẾ NĂM 2020

 *(Đơn vị: người/km2)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng** | **Mật độ dân số** |
| Đồng bằng sông Hồng | 1078 |
| Trung du và vùng núi phía Bắc | 134 |
| Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung | 212 |
| Tây Nguyên | 109 |
| Đông Nam Bộ | 779 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 424 |
| Cả nước | 295 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

 Theo bảng số liệu, để thể hiện so sánh quy mô mật độ dân số của các vùng nước ta năm 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Miền. **C.** Đường. **D**. Cột.

**Câu 76.** Vịnh Vân Phong thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ được quy hoạch thành cảng trung chuyển lớn nhất nước ta dựa trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

**A.** Cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng, vịnh biển sâu rộng, kín gió.

**B.** Cơ sở hạ tầng tương đối tốt, cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng.

**C.** Gần các tuyến hàng hải quốc tế, cơ sở hạ tầng tương đối tốt.

**D**. Vịnh biển sâu rộng và kín gió, gần các tuyến hàng hải quốc tế.

**Câu 77:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng của sản phẩm ngành trồng trọt ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Kinh nghiệm của người dân và khoa học công nghệ.

**B.** Sinh vật, địa hình và nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

**C.** Thổ nhưỡng, địa hình và kinh nghiệm của người dân.

**D.** Điều kiện tự nhiên và nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

**Câu 78:** Trong những năm gần đây, tỉ trọng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Bắc Mĩ tăng mạnh chủ yếu là do

**A.** có thị trường tiêu thụ rộng lớn và dễ tính. **B.** số lượng và chất lượng hàng hóa ngày càng tăng.

**C.** nước ta đã bình thường hóa quan hệ với Hoa Kì. **D.** nước ta trở thành thành viên chính thức của WTO.

**Câu 79:** Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển của một số ngành vận tải nước ta giai đoạn 2010 - 2019:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Chuyển dịch cơ cấu khối lượng hàng hóa. **B.** Cơ cấu khối lượng hàng hóa.

**C.** Quy mô khối lượng hàng hóa. **D.** Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa.

**Câu 80:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm chậm việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Số dân đông, thiếu nguyên liệu để phát triển công nghiệp.

**B.** Một số tài nguyên đang xuống cấp và đang cạn kiệt.

**C.** Các thế mạnh chưa sử dụng hợp lí, mật độ dân số cao.

**D.** Nhiều thiên tai, phần lớn nguyên liệu lấy từ nơi khác.

**----------- HẾT ----------**

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*